ĐẶC TẢ USE CASE

1. **Use case Đăng Nhập**

* Use case này cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống và thực hiện các chức năng chính
* Actor: người dùng
* Điều kiện kích hoạt: Khi người dùng mở phần mềm
* Tiền điều kiện: Người dùng phải có tài khoản
* Hậu điều kiện: Người dùng đăng nhập thành công
* Luồng sự kiện chính:
  + Hệ thống hiển thị màn hình đăng nhập
  + Người dùng nhập tên đăng nhập và mật khẩu
  + Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập
  + Nếu thành công hệ thống hiển thị màn hình chính
  + Kết thúc use case
* Luồng sự kiện phụ:
  + Nếu người dùng nhập sai thông tin đăng nhập thì hệ thống hiển thị thông báo sai thông tin và yêu cầu người dùng nhập lại và quay lại bước 2 trong luồng sự kiện chính.

1. **Use case Đăng Ký**

* Use case này cho phép người dùng đăng ký tài khoản để thực hiện được use case đăng nhập
* Actor: người dùng
* Điều kiện kích hoạt: Khi người dùng chọn chức năng đăng ký trong giao diện đăng nhập
* Tiền điều kiện: Người dùng chưa có tài khoản hoặc đã có tài khoản
* Hậu điều kiện: Người dùng đăng ký thành công
* Luồng sự kiện chính:
  + Hệ thống hiển thị màn hình đăng ký
  + Người dùng nhập đầy đủ thông tin
  + Hệ thống kiểm tra thông tin
  + Nếu thành công hiển thị thông báo đăng ký thành công
  + Kết thúc use case
* Luồng sự kiện phụ:
  + Nếu người dùng nhập sai thông tin bất kỳ thì thông báo nhập sai và yêu cầu nhập lại.

1. **Use case Bán Sản Phẩm**

* Use case này cho phép người dùng bán sản phẩm trong giao diện chính
* Actor: người dùng
* Điều kiện kích hoạt: Khi người dùng đăng nhập thành công
* Tiền điều kiện: Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống
* Hậu điều kiện: Người dùng bán thành công sản phẩm
* Luồng sự kiện chính:
  + Hiển thị giao diện bán hàng
  + Người dùng chọn sản phẩm cần bán theo yêu cầu của khách hàng
  + Hệ thống sẽ kiểm tra số lượng và tình trạng hàng hóa
  + Nếu thành công thì thực hiện chức năng thanh toán
  + Kết thúc use case
* Luồng sự kiện phụ:
  + Nếu khách hàng chọn sản phẩm mà số lượng trong kho nhỏ hơn số lượng khách hàng muốn hoặc tình trạng hàng hóa là hết hàng thì người dùng yêu cầu khách hàng chọn lại sản phẩm khác.

1. **Use case Lập hóa đơn**

* Use case này để hệ thống tạo hóa đơn bán hàng tự động
* Actor: hệ thống
* Điều kiện kích hoạt: Khi người dùng chọn chức năng thanh toán
* Tiền điều kiện: Người dùng bán thành công một đơn hàng
* Hậu điều kiện: Hệ thống tạo đơn hàng thành công
* Luồng sự kiện chính:
  + Hệ thống tiếp nhận một đơn hàng thành công từ người dùng
  + Hệ thống thêm thông tin các mặt hàng vào đơn hàng
  + Hệ thống tạo đơn hàng tự động và thêm vào danh sách đơn hàng
  + Kết thúc use case
* Luồng sự kiện phụ:
  + Nếu người dùng tạo đơn hàng thât bại thì không thực hiện use case này

1. **Use case Tìm kiếm hóa đơn**

* Use case này cho phép người dùng tìm kiếm hóa đơn đã bán, trả hàng, đặt hàng thành công
* Actor: người dùng
* Điều kiện kích hoạt: Khi người dùng mở giao diện danh sách hóa đơn
* Tiền điều kiện: Phải có đơn hàng, đặt hàng, trả hàng thành công
* Hậu điều kiện: Hiển thị thông tin chi tiết hóa đơn đã tìm kiếm
* Luồng sự kiện chính:
  + Người dùng mở giao diện danh sách hóa đơn
  + Nhập vào mã hóa đơn cần tìm kiếm
  + Hệ thống kiểm tra mã hóa đơn đã nhập
  + Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết hóa đơn đó
  + Kết thúc use case
* Luồng sự kiện phụ:
  + Nếu người dùng nhập sai mã hóa đơn thì không hiển thị hóa đơn nào khác và quay lại bước 2 trong luồng sự kiện chính

1. **Use case Quản lý khách hàng**

* Use case này cho phép người dùng xem danh sách khách hàng và chi tiết những khách hàng được chọn.
* Actor: người dùng
* Điều kiện kích hoạt: Khi người dùng mở giao diện danh mục khách hàng
* Tiền điều kiện: Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống
* Hậu điều kiên: Người dùng vào giao diện danh sách người dùng
* Luồng sự kiện chính:
  + Người dùng chọn vào danh mục khách hàng ở giao diện chính
  + Hệ thống sẽ hiện thị thông tin tất cả khách hàng từ cơ sở dữ liệu
  + Người dùng có thể xem thông tin của từng khách hàng
  + Người dùng có thể chỉnh sửa thông tin của khách hàng
  + Kết thúc use case

1. **Use case Quản lý sản phẩm**

* Use case này cho phép người dùng xem danh sách sản phẩm và chi tiết những sản phẩm được chọn.
* Actor: người dùng
* Điều kiện kích hoạt: Khi người dùng mở giao diện danh mục sản phẩm
* Tiền điều kiện: Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống
* Hậu điều kiên: Người dùng vào giao diện danh sách sản phẩm
* Luồng sự kiện chính:
  + Người dùng chọn vào danh mục sản phẩm ở giao diện chính
  + Hệ thống sẽ hiện thị thông tin tất cả sản phẩm từ cơ sở dữ liệu
  + Người dùng có thể xem thông tin của từng sản phẩm
  + Người dùng có thể chỉnh sửa thông tin của sản phẩm
  + Kết thúc use case

1. **Use case Mua hàng**

* Use case này cho phép khách hàng chọn sản phẩm cần mua
* Actor: khách hàng
* Điệu kiện kích hoạt: Khi khách hàng yêu cầu mua hàng
* Tiền điều kiện: Khách hàng phải có khả năng thanh toán
* Hậu điều kiện: Khách hàng mua hàng thành công
* Luồng sự kiện chính:
  + Khách hàng chọn sản phẩm muốn mua
  + Hệ thống kiểm tra số lượng và tình trạng
  + Nếu thành công xuất hóa đơn bán hàng
  + Khách hang thanh toán đơn hàng
  + Kết thúc use case
* Luồng sự kiện phụ:
  + Khách hàng chọn hàng hóa mà số lượng nhiều hơn số lượng còn trong kho thì yêu cầu khách hàng chọn lại

1. **Use case Quản lý nhân viên**

* Use case này cho phép người quản trị xem danh sách nhân viên và chi tiết những nhân viên được chọn.
* Actor: người quản trị hệ thống
* Điều kiện kích hoạt: Khi người quản trị mở giao diện danh mục nhân viên
* Tiền điều kiện: Người quản trị phải đăng nhập vào hệ thống
* Hậu điều kiên: Người quản trị vào giao diện danh sách nhân viên
* Luồng sự kiện chính:
  + Người quản trị chọn vào danh mục sản phẩm ở giao diện chính
  + Hệ thống sẽ hiện thị thông tin tất cả nhân vi từ cơ sở dữ liệu
  + Người quản trị có thể xem thông tin của từng nhân viên
  + Người quản trị có thể chỉnh sửa thông tin của nhân viên
  + Kết thúc use case

1. **Use case Quản lý nhà cung cấp**

* Use case này cho phép người quản trị xem danh sách nhà cung cấp và chi tiết những nhà cung cấp được chọn.
* Actor: người quản trị hệ thống
* Điều kiện kích hoạt: Khi người quản trị mở giao diện danh mục nhà cung cấp
* Tiền điều kiện: Người quản trị phải đăng nhập vào hệ thống
* Hậu điều kiên: Người quản trị vào giao diện danh sách nhà cung cấp
* Luồng sự kiện chính:
  + Người quản trị chọn vào danh mục nhà cung cấp ở giao diện chính
  + Hệ thống sẽ hiện thị thông tin tất cả nhà cung cấp từ cơ sở dữ liệu
  + Người quản trị có thể xem thông tin của từng nhà cung cấp
  + Người quản trị có thể chỉnh sửa thông tin của nhà cung cấp
  + Kết thúc use case

1. **Use case Thống kê doanh thu**

* Use case này cho phép người quản trị xem doanh thu bán được theo ngày được chọn.
* Actor: người quản trị hệ thống
* Điều kiện kích hoạt: Khi người quản trị mở giao diện doanh thu
* Tiền điều kiện: Người quản trị phải đăng nhập vào hệ thống
* Hậu điều kiên: Người quản trị xem bảng thống kê doanh thu
* Luồng sự kiện chính:
  + Người quản trị chọn vào thống kê doanh thu ở giao diện chính
  + Người quản trị chọn ngày hoặc tháng cần thống kê
  + Hệ thống sẽ hiện thị thông tin tất cả các đơn hàng đã bán ra kèm theo tổng tiền của từng đơn.
  + Hệ thống sau đó sẽ tính tổng doanh thu của tất cả các hóa đơn được lọc ra
  + Người quản trị xem được doanh thu mong muốn
  + Kết thúc use case

1. **Use case Kiểm tra lượng hàng**

* Use case này cho phép kiểm tra số lượng hàng hóa trong kho còn đang ở tình trạng nào.
* Actor: người quản trị hệ thống, thủ kho
* Điều kiện kích hoạt: Khi actor mở giao diện hàng hóa
* Tiền điều kiện: Actor phải đăng nhập vào hệ thống
* Hậu điều kiên: Actor xem bảng thống kê số lượng hàng hóa trong kho
* Luồng sự kiện chính:
  + Actor chọn vào danh mục hàng hóa ở giao diện chính
  + Actor chọn hàng hóa theo loại, theo tình trạng.
  + Hệ thống sẽ hiện thị thông tin tất cả các hàng hóa theo sự lựa chọn của actor.
  + Người quản trị xem được số lượng hàng hóa mong muốn
  + Kết thúc use case

1. **Use case Lập phiếu xuất hàng**

* Use case này cho phép lập phiếu xuất hàng.
* Actor: thủ kho
* Điều kiện kích hoạt: Khi thủ kho chọn các mặt hàng.
* Tiền điều kiện: Thủ kho phải mở giao diện hàng hóa.
* Hậu điều kiên: Thủ kho lập phiếu xuất hàng thành công.
* Luồng sự kiện chính:
  + Thủ kho chọn các mặt hàng muốn xuất kho trong giao diện hàng hóa.
  + Hệ thống sẽ kiểm tra thông tin các mặt hàng mà được chọn.
  + Hệ thống sẽ hiện thị thông tin lại các mặt hàng muốn xuất kho để thủ kho kiểm tra lại.
  + Nếu thủ kho thấy đúng thì lập phiếu xuất hàng.
  + Kết thúc use case
* Luồng sự kiện phụ:
  + Nếu thủ kho chọn các mặt hàng không hợp lệ(hết hàng, hoặc hàng muốn xuất kho lớn hơn số lượng hàng còn trong kho) thì thông báo lỗi và yêu cầu thủ kho lập lại phiếu khác.